

Bản án số: 78/2025/HS-PT

Ngày: 21/01/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Nguyễn Nam Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 1426/2024/TLPT-HS ngày 13 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Bảo H và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 214/2024/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Bảo H**, sinh năm 1975 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số A Đ, phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khả Đ và bà Nguyễn Thị H1; có vợ là Hoàng Thị H2 và có 04 con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05/4/2024 đến ngày 14/4/2024 chuyển tạm giam và được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 19/6/2024 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1991 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thị Á; có vợ là Vũ Thị D và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05/4/2024 đến ngày 14/4/2024 chuyển tạm giam và được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 19/6/2024 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1993 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn H, xã

L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Vũ Thị L; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05/4/2024 đến ngày 14/4/2024 chuyển tạm giam và được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 19/6/2024 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. **Vũ Kim T2**, sinh năm 1991 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn C và bà Đào Thị L1; có vợ là Giáp Thị Quỳnh O và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 37/2010/HSST ngày 01/11/2010, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt Vũ Kim T2 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” (đã được xóa án tích); bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05/4/2024 đến ngày 14/4/2024 chuyển tạm giam và được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 19/6/2024 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

5. **Vũ Văn T3**, sinh năm 1987 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân T4 và bà Lê Thị N; có vợ là Phạm Thị N1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 116/2013/HSST ngày 30/7/2013, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt Vũ Văn T3 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (đã được xóa án tích); bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05/4/2024 đến ngày 14/4/2024 chuyển tạm giam và được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 19/6/2024 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Hà Văn H4 bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và bị hại là Công ty Trách nhiệm hữu hạn R không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Bảo H là nhân viên Công ty T6, đồng thời kinh doanh quần áo tại nhà riêng ở số A Đ, phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng. Quá trình làm việc tại Công ty T6, H quen biết một số lái xe của các Công ty vận tải và do cần có nguồn hàng tiêu thụ, H nói với các lái xe nếu trộm cắp được hàng quần áo thì bán cho H. Từ ngày 17/01/2024 đến ngày 25/3/2024, Nguyễn Bảo H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Vũ Kim T2, Vũ Văn T3, Hà Văn H4 lợi dụng sơ hở của Công ty Trách nhiệm hữu hạn R (*viết tắt là Công ty R*) trong việc giám sát, vận chuyển hàng hóa là thời trang nội y và quần áo thể thao đã thực hiện 03 vụ trộm cắp hàng của Công ty R; cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 11h ngày 17/01/2024, Vũ Văn T3 là lái xe chở

hàng của Công ty D1 đến kho GLC ở Lô CN3.2G KCN Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng gặp Hà Văn H4 là lái xe của Công ty TNHH MTV T7 đang đỗ xe ô tô tải BKS: 15C-095.16 chờ hạ hàng của Công ty R xuống kho GLC. Huyện rủ T3 lấy hàng trong thùng xe 15C-095.16, T3 đồng ý. Huyện điều khiển xe 15C-095.16 vào góc khuất ở kho GLC, tránh góc quay của hệ thống camera an ninh rồi dùng cờ lê vặn các ốc ở bản lề ổ khóa cửa thùng chở hàng để T3 trèo vào bên trong kiểm tra xem hàng. Tỉnh thấy trong thùng xe có các hộp carton đựng hàng của Công ty R nên đã gọi điện cho H hỏi có mua sản phẩm của Công ty R không thì H đồng ý và dặn T3 chỉ lấy kích cỡ nhỏ (size 34A, 34B, 36A). T3 cầm theo 01 bao tải, 01 con dao rọc giấy, 01 cuộn băng dính do Huyện chuẩn bị sẵn, còn Huyện đóng cửa thùng xe lại rồi lên ca bin ngồi cạnh giới. T3 dùng dao rọc giấy mở hộp carton lấy hàng hóa kích cỡ theo thỏa thuận với H rồi dùng băng dính dán lại hộp. Khoảng 30 phút sau, T3 gọi điện báo H4 mở cửa thùng xe để ra ngoài. T3 đem 01 bao tải đựng hàng lấy được lên cabin xe của T3 đồng thời chụp hình sản phẩm gửi cho H xem và H trả giá 70.000 đồng/chiếc. Sau đó, T3 thuê taxi chở hàng lấy được về phòng trọ, còn T3 đi trả xe. Đến tối cùng ngày, H điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Ford Fiesta, màu trắng, BKS: 15A-357.41 đến phòng trọ của T3 lấy hàng thì gặp Nguyễn Văn T ở cùng phòng trọ với T3 bê bao tải hàng giao cho H. T hỏi H trong bao tải là hàng gì, H nói là hàng quần áo, nếu T lấy được các loại tương tự thì bán cho H nên T đồng ý và trao đổi số điện thoại với H. Tổng số hàng H mua của T3 là 132 chiếc, H chuyển khoản trả cho T3 9.000.000 đồng. Tỉnh chuyển khoản chia cho H4 6.000.000 đồng, T3 giữ lại 3.000.000 đồng chi tiêu cá nhân hết. Kết luận định giá tài sản xác định: 132 chiếc áo lót nữ do Công ty R sản xuất trị giá 21.191.280 đồng.

- Vụ thứ hai: Thông qua quen biết Vũ Văn T3 và Nguyễn Văn T nên Nguyễn Văn T1 lái xe của Công ty TNHH V biết việc Nguyễn Bảo H có nhu cầu mua các sản phẩm của Công ty R nên nảy sinh ý định lấy bán cho H. Ngày 19/02/2024, T1 được Công ty TNHH V giao nhiệm vụ vận chuyển hàng từ Công ty R đến kho GLC nên đã bàn bạc với Nguyễn Văn T lấy hàng trên xe của T1, T đồng ý. Sáng ngày 20/02/2024, T1 điều khiển xe ô tô tải BKS 15LD-012.56 đến Công ty R nhận hàng đồng thời gọi điện báo cho T biết, rồi liên lạc với H để hỏi xem H có mua hàng của Công ty R không thì H đồng ý và dặn T1 là chỉ mua các size nhỏ. Một lúc sau, T đi đến bãi xe North Freight nơi T1 đang đỗ xe tải, cầm theo túi xách bên trong có 01 chiếc đèn pin đội đầu, 01 dao rọc giấy, 01 cuộn băng dính bản to, loại trong suốt và 02 bao dứa loại 50kg, màu xanh. T1 dùng cờ lê vặn các ốc ở bản lề ổ khóa cửa thùng chở hàng, T trèo vào bên trong thùng xe lấy hàng, T1 lên cabin xe ngồi cạnh giới. T tìm các hộp carton có ký hiệu 34A, 34B, 36A, lật ngược hộp lại rồi dùng dao rạch theo đường rãnh đã được dán băng dính ở đáy hộp và trộm cắp hàng cho vào 02 bao tải, sau đó dùng băng dính dán vết rạch lại. Sau đó, T và T1 bê 02 bao tải hàng cất giấu trên cabin xe, T1 tiếp tục điều khiển xe đến kho GLC để hạ hàng còn T đi về nhà. Trên đường đi, T1 gọi cho H hẹn địa điểm giao hàng gần kho GLC. Đến khoảng 12h30 cùng ngày, T1 gặp và giao hàng cho H ở gần kho GLC. Tổng số hàng H nhận được trong 02 bao

tải có 261 chiếc và trả giá 35.000 đồng/chiếc, tổng cộng chuyển khoản trả cho T1 9.000.000 đồng, T1 chia cho T 4.000.000 đồng còn T1 giữ lại 5.000.000 đồng. Số tiền trên T1 và T đã chi tiêu cá nhân hết. Kết luận định giá tài sản xác định: 261 chiếc áo lót nữ do Công ty R sản xuất trị giá 27.922.302 đồng.

- Vụ thứ ba: Chiều 24/3/2024, Nguyễn Văn T được Công ty V giao nhiệm vụ vận chuyển hàng cho Công ty R bằng xe ô tô tải BKS 15C -151.62 từ nhà máy A thuộc K, T, Hải Phòng đến trả hàng tại kho Y ở KCN Đ vào sáng ngày 25/3/2024. T gọi điện rủ Vũ Kim T2 (T2 là anh rể của T) lấy hàng của Công ty R, T2 đồng ý. Sáng ngày 25/3/2024, T chuẩn bị sẵn 01 chiếc túi xách màu đen, bên trong có 01 chiếc đèn pin đội đầu, 01 dao rọc giấy và 01 cuộn băng dính trong suốt bản to cắt trên cabin xe ô tô tải BKS: 15C-151.62, rồi điều khiển xe đón T2 tại Cây xăng Đ đoạn ngã ba P - N. Đến ngã tư cơ điện, T bảo Trọng xuống xe, đợi T đến Công ty R lấy hàng rồi trở lại đón T. Trên đường đi, T dừng lại mua 02 bao tải loại 50kg, màu xanh và đi nhận hàng ở Công ty R. Sau đó, T gọi điện báo với H là sẽ lấy hàng để bán cho H và hẹn giao hàng ở đường B. T đón T2 rồi dừng xe lại khu vực nhà máy N2 (đường B xã A, huyện A), T dùng cờ lê mở cửa thùng xe, T2 vào bên trong lấy hàng và T dặn T2 lấy hàng size nhỏ rồi đóng cửa thùng chở hàng, dùng dây vải buộc lại và tiếp tục điều khiển xe di chuyển theo lộ trình để tránh bị phát hiện do xe có lắp hệ thống định vị. T2 tìm các hộp có ký hiệu S và M rồi dùng dao rạch theo đường rãnh đã được dán băng dính của Công ty R ở đáy hộp và lấy hàng cho vào bao tải sau đó dùng băng dính dán lại. T2 và T cất giấu 02 bao tải hàng trên cabin xe, T liên lạc và giao hàng cho H. Về nhà H kiểm đếm trong 02 bao tải có 360 chiếc và trả giá 52.000 đồng/chiếc, tổng cộng là 18.800.000 đồng, H chuyển khoản cho T, T chia cho T2 7.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng T chuyển khoản cho vợ là Vũ Thị D, không nói cho D biết nguồn gốc số tiền và giữ lại 1.800.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Kết luận định giá tài sản xác định: 360 chiếc áo lót ngực nữ, màu đen, nhiều kích cỡ, nhãn hiệu Uniqlo do Công ty R sản xuất trị giá 47.487.240 đồng.

Toàn bộ số hàng trên, Nguyễn Bảo H bán tại cửa hàng và trên mạng xã hội Facebook cho những người không rõ tên, tuổi, địa chỉ; chỉ còn lại 204 chiếc, cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho Công ty R. Cơ quan điều tra thu giữ 06 điện thoại di động của các bị cáo; 01 dao rọc giấy; 01 cuộn băng dính. Tại Kết luận giám định số 2102/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố H ngày 16/7/2024 kết luận: Tìm thấy các cuộc gọi, hội thoại, tin nhắn trong 06 điện thoại và lưu trong USB.

Ngày 05/4/2023, Nguyễn Bảo H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Vũ Kim T2, Vũ Văn T3, Hà Văn H4 đến đầu thú tại Cơ quan điều tra Công an thành phố H. Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên.

Vật chứng của vụ án: 06 điện thoại di động của các bị cáo; 01 dao rọc giấy, màu cam, đã qua sử dụng; 01 cuộn băng dính trắng trong suốt, rộng khoảng 5cm, đã qua sử dụng chuyển đến Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng chờ xử lý.

Về dân sự: Số hàng hóa không thu hồi được, Công ty R yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Tại giai đoạn truy tố và chuẩn bị xét xử, các bị cáo Nguyễn Bảo H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Vũ Kim T2, Vũ Văn T3, Hà Văn H4 đã liên đới nộp toàn bộ số tiền bồi thường cho bị hại theo kết luận định giá tài sản.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 180/CT-VKSHP-P3 ngày 12/8/2024, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố Nguyễn Bảo H, Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Văn T1, Vũ Kim T2, Vũ Văn T3, Hà Văn H4 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 214/2024/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Bảo H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Vũ Kim T2, Vũ Văn T3 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Bảo H 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2024 đến ngày 19/6/2024.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2024 đến ngày 19/6/2024.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Kim T2 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2024 đến ngày 19/6/2024.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn T3 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2024 đến ngày 19/6/2024.

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2024 đến ngày 19/6/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Hà Văn H4, quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong các ngày 07 và 08/10/2024, các bị cáo Nguyễn Bảo H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Vũ Kim T2, Vũ Văn T3 có đơn kháng cáo cùng với nội dung đề nghị được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Bảo H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Vũ Kim T2, Vũ Văn T3 khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm, việc Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Các bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội và đều cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là nặng; bị cáo Nguyễn Bảo H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Vũ Kim T2, Vũ Văn T3 đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Bảo H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Vũ Kim T2, Vũ Văn T3 đều thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm quy kết; căn cứ kết quả điều tra, lời khai nhận của các bị cáo, lời khai của bị hại, người làm chứng, các kết luận giám định, kết quả thu thập tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và quy kết các bị cáo Nguyễn Bảo H, Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Vũ Kim T2, Vũ Văn T3, Nguyễn Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

Về hình phạt: Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, hậu quả của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ từng bị cáo được hưởng, nhân thân của từng bị cáo thì mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo là tương xứng, phù hợp quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Kim T2, Nguyễn Văn T1 không có tình tiết giảm nhẹ mới; bị cáo Nguyễn Bảo H xuất trình tài liệu thể hiện bố đẻ được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống mỹ, mẹ của bị cáo được tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp xây dựng và phát triển Hội cựu Giáo chức Việt Nam, bản thân bị cáo tích cực tham gia hoạt động thiện nguyện; Bị cáo Vũ Văn T3 có bà mẹ Việt Nam anh hùng nên kháng cáo của các bị cáo có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Vũ Kim T2, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo T, T1, T2; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Bảo H, Vũ Văn T3, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo H từ 09 – 12 tháng tù, bị cáo T3 từ 03 – 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết

quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của các bị cáo,

[1] Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đối với các bị cáo, các cơ quan và người tiến hành tố tụng các cấp đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thẩm quyền xét xử vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 269 Bộ luật Tố tụng hình sự; xác định đúng, đầy đủ tư cách người tham gia tố tụng theo quy định của luật tố tụng. Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Bảo H, Nguyễn Văn T, Vũ Kim T2, Vũ Văn T3, Nguyễn Văn T1 trong hạn luật định, được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Bảo H, Nguyễn Văn T, Vũ Kim T2, Vũ Văn T3, Nguyễn Văn T1 đều thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết, phù hợp với lời khai của chính các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm; phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng; các kết luận giám định, định giá tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm đủ căn cứ kết luận:

Từ ngày 17/01/2024 đến ngày 25/3/2024, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Vũ Kim T2, Vũ Văn T3 cùng Hà Văn H4 đã lợi dụng sự sơ hở trong việc giám sát vận chuyển hàng hóa của Công ty R, lén lút chiếm đoạt hàng hóa của Công ty R là áo lót ngực nữ. Trong đó, Nguyễn Văn T tham gia 02 vụ, trị giá tài sản chiếm đoạt là 75.409.542 đồng; Nguyễn Văn T1 tham gia 01 vụ, trị giá tài sản chiếm đoạt là 27.922.302 đồng; Vũ Kim T2 tham gia 01 vụ, trị giá tài sản chiếm đoạt là 47.487.240 đồng; Vũ Văn T3 cùng Hà Văn H4 đều tham gia 01 vụ, trị giá tài sản chiếm đoạt là 21.191.280 đồng; Nguyễn Bảo H biết rõ hàng hóa do phạm tội mà có nhưng vẫn hứa hẹn và tiêu thụ tất cả số hàng trộm cắp nêu trên có tổng trị giá là 96.600.822 đồng.

Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Bảo H, Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Vũ Kim T2, Vũ Văn T3, Nguyễn Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[3] Ngoài ra, trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Hà Văn H4; do bị cáo Hà Văn H4 không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập cụ thể.

[4] Về tính chất hành vi, vai trò của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật hình sự và áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả hành vi của từng bị cáo là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo; đồng thời, có tác dụng đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã đánh giá, phân hóa, xem xét tính chất, vị trí, mức độ tham gia của các bị cáo trong vụ án đồng

phạm, đã xác định vị trí, vai trò của các bị cáo là có căn cứ.

[5] Về hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[5.1] Đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Kim T2, Nguyễn Văn T1 đều trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; sau khi phạm tội đã đến Cơ quan Công an đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đã bồi thường cho bị hại; bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có thời gian tham gia quân đội; bị cáo Vũ Kim T2 có bố đẻ là thương binh; bị cáo Nguyễn Văn T có bố vợ là thương binh, nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Kim T2; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, bị cáo Vũ Kim T2 có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án kết án về hành vi phạm tội, mặc dù đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội, thể hiện thái độ bất chấp pháp luật, nên tuy bị cáo bị truy tố, xét xử theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự nhưng khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, nhân thân của bị cáo, để quyết định xử phạt bị cáo với mức hình phạt 24 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nhưng là người nhiều lần tích cực trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo Nguyễn Văn T1 tuy phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến tính chất vụ án có bị hại là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư kinh doanh của thành phố và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 30 tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 15 tháng tù cũng là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, đủ tác dụng giáo dục, răn đe, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Kim T2, Nguyễn Văn T1 xuất trình tài liệu như các bị cáo đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và xác nhận của trưởng thôn thể hiện trước khi phạm tội, các bị cáo luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và có hành động cứu người gặp nguy hiểm nhưng đây không phải là những tình tiết giảm nhẹ mới đáng kể làm cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét về hình phạt đối với các bị cáo, nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Kim T2, Nguyễn Văn T1 như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa là phù hợp.

[5.2] Đối với bị cáo Vũ Văn T3 sau khi phạm tội đã đến Cơ quan Công an đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đã cùng các bị cáo khác bồi thường toàn bộ cho bị hại; bị cáo có bố đẻ được tặng Huân chương Chiến sĩ giải phóng nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật

Hình sự là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm tài liệu mới thể hiện bị cáo đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; gia đình bị cáo có công với cách mạng: bà ngoại bị cáo là bà mẹ Việt Nam anh hùng; bị cáo có chú ruột là thương binh và 03 bác ruột là liệt sĩ, trong đó liệt sĩ Vũ Văn C1 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; xác nhận của trưởng thôn thể hiện trước khi phạm tội, bị cáo luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, tích cực tham gia phong trào ở địa phương, tham gia sản xuất và hỗ trợ công việc chung của thôn; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, bị cáo phạm tội 01 lần, bị truy tố, xét xử theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự cũng là thấp nhất trong số các bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên mặc dù bị cáo Vũ Văn T3 có nhân thân xấu, nhưng căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả của vụ án, trên cơ sở cân nhắc, xem xét tới các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà bị cáo được hưởng tại phiên tòa phúc thẩm thì có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, giúp bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, cũng nhằm phân hóa hơn nữa, cá thể hóa triệt để hình phạt, đảm bảo sự công bằng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo có tính chất, mức độ hành vi phạm tội tương tự nhau trong vụ án.

[5.3] Đối với bị cáo Nguyễn Bảo H: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; sau khi phạm tội đã đến Cơ quan Công an đầu thú; đã tích cực bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; có bố đẻ là người có công với cách mạng, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là đúng và đầy đủ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình các tình tiết mới thể hiện bố bị cáo là người có công với Cách mạng, được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Ba, mẹ của bị cáo được tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp xây dựng và phát triển Hội cựu Giáo chức Việt Nam, bản thân bị cáo tích cực tham gia hoạt động thiện nguyện đã tài trợ Giếng khoan cho Trường N3 (điểm trường P) xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, được Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Đ ghi nhận tám lòng vàng và Thư cảm ơn; ngoài ra, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, là lao động chính trong gia đình có mẹ già (trên 80 tuổi) và có 04 con đang tuổi đi học, được chính quyền địa phương xác nhận; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng thêm cho bị cáo Nguyễn Bảo H.

Hội đồng xét xử xét thấy vụ án có tính chất đồng phạm giảm đơn, không có sự câu kết, phân công nhiệm vụ giữa các bị cáo, không có sự phân chia bàn bạc ngay từ đầu; hành vi bị cáo Nguyễn Bảo H chỉ là hứa hẹn trước nhưng cũng không đưa ra yêu cầu cụ thể về số lượng, giá trị tài sản mà các bị cáo khác trộm cắp được, không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; sau khi trộm cắp được tài sản, các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Trọng K1, Nguyễn Văn T1, Vũ Văn T3 cùng Hà Văn H4 đều là người chủ động liên lạc để bán tài sản cho bị cáo

Nguyễn Bảo H; mặt khác, bị cáo có nhân thân tốt, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, bị truy tố, xét xử theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm nhưng sau khi phạm tội đã đầu thú, hiện bị hại đã được bồi thường toàn bộ thiệt hại, nên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 42 tháng tù là có phần quá nghiêm khắc. Vì vậy, trên cơ sở nhận định xem xét, đánh giá tính chất hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm, cùng điều kiện hoàn cảnh thực tế của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Nguyễn Bảo H như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[6] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Bảo H, Vũ Văn T3 kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Kim T2, Nguyễn Văn T1 kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Kim T2, Nguyễn Văn T1; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 214/2024/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đối với các bị cáo, cụ thể:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Vũ Kim T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2024 đến ngày 19/6/2024.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Vũ Kim T2** 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2024 đến ngày 19/6/2024.

1.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1** 15 (mười

lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2024 đến ngày 19/6/2024.

2. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Bảo H, Vũ Văn T3; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 214/2024/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng về phần hình phạt đối với các bị cáo, cụ thể:

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Bảo H, Vũ Văn T3 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2.1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Bảo H** 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2024 đến ngày 19/6/2024.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Vũ Văn T3** 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2024 đến ngày 19/6/2024.

3. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Kim T2, Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Nguyễn Bảo H, Vũ Văn T3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Ghi nhận các bị cáo Vũ Kim T2, Nguyễn Văn T, Vũ Văn T3, Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo đã nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm lần lượt theo Biên lai số 0001052, 0001053, 0001054, 0001055 cùng ngày 08/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; xác nhận các bị cáo Vũ Kim T2, Nguyễn Văn T, Vũ Văn T3, Nguyễn Văn T1 đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, Phòng HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thơm